

KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2014:

THỰC TRẠNG TÁM THÁNG ĐẦU NĂM VÀ TRIỂN VỌNG

Tô Đức Hạnh*, Nguyễn Thị Kim Oanh**

Ngày nhận: 5/8/2014

Ngày nhận bản sửa: 22/9/2014

Ngày duyệt đăng: 5/10/2014

Tóm tắt

Bài viết tập trung phân tích một cách cơ bản và khá toàn diện về thực trạng kinh tế Việt Nam 8 tháng đầu năm 2014 trên các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ thương mại và môi trường kinh tế vĩ mô; rút ra 5 thành tựu đạt được và 6 tồn tại, hạn chế cùng với 5 nguyên nhân những tồn tại, hạn chế đó. Căn cứ trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng kinh tế 8 tháng đầu năm, kết hợp với sự phân tích, đánh giá diễn biến tình hình kinh tế, chính trị khu vực và quốc tế hiện nay và cuối năm 2014, bài viết nhận định kinh tế Việt Nam năm 2014 sẽ rất khó đạt được chỉ tiêu tăng trưởng 5,8% theo Nghị quyết số 53/2013/QH13 của Quốc hội và dự báo chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế Việt Nam 2014 chỉ khoảng 5,65% là có tính khả thi. Từ đó đề xuất 6 giải pháp chủ yếu cần phải tập trung thực hiện trong 4 tháng còn lại của năm 2014 thì Việt Nam mới có khả năng thực hiện được chỉ tiêu tăng trưởng 5,65% của cả năm 2014.

Từ khóa: Kinh tế Việt Nam 2014

1. Đặt vấn đề

Sáng ngày 11/11/2013, dưới sự điều khiển của Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân, với đa số phiếu tán thành, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2014. Trong kế hoạch này, các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đã được xác định là: Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng khoảng 5,8%; kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 10%; tỷ lệ nhập siêu khoảng 6% kim ngạch xuất khẩu; tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) khoảng 7%; tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 30% GDP; tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 85%; tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 80%; tỷ lệ che phủ rừng đạt 41,5% (Quốc hội, 2013).

Trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực có

nhều diễn biến phức tạp, kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn dự báo. Còn tình hình trong nước, những hạn chế, yếu kém vốn có của nền kinh tế chậm được khắc phục cùng với những vấn đề mới phát sinh tác động không thuận đến ổn định kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên với sự nỗ lực cao của toàn xã hội, tình hình thực hiện kinh tế năm 2013 đã có những chuyển biến tích cực, đúng hướng và cơ bản thực hiện được mục tiêu theo Nghị quyết Quốc hội đề ra. Song, kinh tế nước ta vẫn đang trong giai đoạn khó khăn, tiếp tục phải đối mặt với nhiều thách thức trong ngắn hạn và chưa thể tăng trưởng cao trong một vài năm trước mắt. Trước tình hình đó, câu hỏi đặt ra là: Thực trạng thực hiện kinh tế Việt Nam 8 tháng năm 2014 đạt được những kết quả gì? còn bộc lộ những tồn tại, hạn chế nào? nguyên nhân của nó ra sao? Việt Nam liệu có thực hiện được chỉ tiêu kinh tế năm 2014 theo Nghị quyết của Quốc hội không? Bài viết sẽ tập trung phân tích thực trạng kinh tế Việt

Nam năm 2014 trong 8 tháng qua, đánh giá kết quả, hạn chế và tìm nguyên nhân của nó; dự báo triển vọng kinh tế của cả năm 2014 và đề xuất những khuyến nghị về mặt giải pháp nhằm thực hiện tăng trưởng kinh tế gắn với Nghị quyết số 53/2013/QH13 của Quốc hội.

2. Tình hình kinh tế Việt Nam 8 tháng năm 2014

2.1. Sản xuất nông, công nghiệp

2.1.1. Về sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp

- Sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp nhìn chung ổn định và có xu hướng tăng so với cùng kỳ năm 2013. Tính riêng trong 2 quý đầu năm 2014, sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng nhẹ (khoảng 3 – 4%) so với 6 tháng đầu năm 2013 (xem bảng 1).

2.1.2. Về sản xuất công nghiệp

So với cùng kỳ năm 2013, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp trong 8 tháng năm 2014 ước tính tăng 6,3%; chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp tính đến hết tháng 7 năm 2014 tăng 8,9%; chỉ số tồn kho toàn ngành chế biến, chế tạo tại thời điểm 01/08/2014 tăng 13,4%; tỷ lệ tồn kho toàn ngành chế biến chế tạo bình quân 7 tháng năm 2014 là 77,3%; số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới là 47,5 nghìn, với số vốn đăng ký 289,8 nghìn tỷ đồng, giảm 9,5% về số doanh nghiệp và tăng 14,2% về vốn; vốn đăng ký bình quân là 6,1 tỷ đồng/doanh nghiệp, tăng 26,2%; số doanh nghiệp giải thể hoặc tạm ngừng hoạt động là 44,5 nghìn, tăng 12,9%; số doanh nghiệp ngừng hoạt động quay trở lại hoạt động là 10,9 nghìn, tăng 2,6%. Riêng tháng 8/2014,

con số này tăng 35,2% so với tháng 7/2014 (Cổng thông tin điện tử Chính phủ, 2014).

Hiệu quả sản xuất kinh doanh ROA và ROE toàn khu vực doanh nghiệp đạt mức 1,52% và 3,56%, tăng tương ứng là 0,17 và 0,07 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2013. Theo Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) phối hợp cùng công ty Markit Economics công bố chỉ số nhà Quản trị mua hàng (PMI) ngành sản xuất tại Việt Nam 8 tháng đầu năm 2014 liên tục đạt trên ngưỡng 50 điểm. Theo đó, tháng 1 đạt 52,1 điểm; tháng 2 đạt 51 điểm; tháng 4 đạt 53,1 điểm; tháng 5 đạt 52,5 điểm; tháng 6 đạt 52,3 điểm; tháng 7 đạt 51,7 điểm và tháng 8 còn 50,3 điểm (Hồng Ngọc, 2014). Điều đó chứng tỏ rằng, sự cải thiện trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp của Việt Nam trong những tháng đầu năm 2014.

2.2. Về thương mại, dịch vụ và du lịch

2.2.1. Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Trong 8 tháng đầu năm 2014, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 1900,4 nghìn tỷ đồng, tăng 11,4% so với cùng kỳ năm 2013. Trong đó, khu vực kinh tế nhà nước chiếm 10,1% và tăng 8,2%; kinh tế ngoài nhà nước chiếm 86,5% và tăng 11,4%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 3,4% và tăng 23,7%. Kinh doanh bán lẻ hàng hóa chiếm 75,3%, tăng 10,7%; dịch vụ lưu trú ăn uống chiếm 12,1% và tăng 11,8%... (Cổng thông tin điện tử Chính phủ, 2014).

2.2.2. Xuất, nhập khẩu hàng hóa

Bảng 1: Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản 6 tháng đầu năm 2014 (theo giá so sánh 2010)

Thời gian / Chỉ tiêu	6 tháng năm 2013 (tỷ VND)	6 tháng năm 2014 (tỷ VND)	6 tháng năm 2014 so với 6 tháng năm 2013 (%)
Tổng số	345583,6	357442,8	103,4
Nông nghiệp	255273,1	261708,4	102,5
Trồng trọt	182548,6	187654,0	102,8
Chăn nuôi	68007,5	69186,8	101,7
Dịch vụ	4717,0	4867,6	103,2
Lâm nghiệp	11024,0	11671,3	105,9
Thủy sản	79286,5	84063,1	106,0
Nuôi trồng	43904,1	47343,2	107,8
Khai thác	35382,4	36719,9	103,8

Nguồn: Tổng cục thống kê (2014)

- Kim ngạch xuất khẩu 8 tháng đầu năm 2014 ước đạt 97 tỷ USD, tăng 14,1% so với cùng kỳ năm 2013. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 31,8 tỷ USD, chiếm 32,7%, tăng 11,1%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả đầu thô) đạt 65,2 tỷ USD, chiếm 67,3% và tăng 15,6% (Cổng thông tin điện tử Chính phủ, 2014).

Thị trường hàng hóa xuất khẩu trong 8 tháng: Hoa Kỳ vẫn đứng thứ nhất với 18,5 tỷ USD, tăng 22,5% so với cùng kỳ năm 2013; EU với 17,9 tỷ USD, tăng 13,3%; ASEAN với 12,4 tỷ USD, tăng 0,5%; Nhật Bản với 9,9 tỷ USD tăng 12,7%; Trung Quốc với 9,8 tỷ USD, tăng 15,2%... (Cổng thông tin điện tử Chính phủ, 2014).

- Kim ngạch nhập khẩu 8 tháng năm 2014 ước đạt 95,3 tỷ USD, tăng 12% so với cùng kỳ năm 2013. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 41,9 tỷ USD, tăng 13,4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 53,4 tỷ USD, tăng 10,9%.

Thị trường hàng hóa nhập khẩu 8 tháng năm 2014 lớn nhất vẫn là Trung Quốc, với 27,6 tỷ USD, tăng 17,3% so với cùng kỳ năm 2013; ASEAN với 15,2 tỷ USD, tăng 8,4%; Hàn Quốc với 14 tỷ USD, tăng 5,7%; Nhật Bản với 8,1 tỷ USD, tăng 8%; EU với 5,8 tỷ USD, giảm 9,1%; Hoa Kỳ với 4,2 tỷ USD, tăng 19,9%... (Cổng thông tin điện tử Chính phủ, 2014)

2.2.3. Vận tải hành khách, hàng hóa và khách quốc tế đến Việt Nam

- Vận tải hành khách 8 tháng năm 2014 ước đạt 2019,3 triệu lượt người, tăng 6,9% so với cùng kỳ năm 2013. Vận tải hàng hóa ước đạt 692,2 triệu tấn, tăng 4,7%, trong đó riêng vận tải đường biển giảm 6,6% so với cùng kỳ năm 2013 (Cổng thông tin điện tử Chính phủ, 2014).

- Khách quốc tế đến Việt Nam trong 8 tháng ước đạt 5,4 triệu lượt người, tăng 12,2% so với cùng kỳ năm 2013, cao hơn nhiều so với mức 7,9% của cùng kỳ năm 2013. Trong đó, lượng khách đến từ Trung Quốc vẫn cao nhất, đạt gần 1,4 triệu lượt người, tăng 17,2%, tuy nhiên thấp hơn mức tăng 33,1% của cùng kỳ năm 2013 (Cổng thông tin điện tử Chính phủ, 2014).

2.3. Môi trường kinh tế vĩ mô

2.3.1. Về đầu tư và thu chi ngân sách

- Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước (NSNN) 8 tháng năm 2014 đạt 129.046 tỷ

đồng, bằng 69,7% kế hoạch năm, tăng 2,1% so với cùng kỳ năm 2013. Trong đó, vốn trung ương quản lý đạt 29.231 tỷ đồng, bằng 74,0% kế hoạch năm, tăng 2,3%; vốn địa phương quản lý đạt 99.815 tỷ đồng, bằng 68,5% kế hoạch năm, tăng 5,8% (Cổng thông tin điện tử Chính phủ, 2014).

- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tính đến 20/08/2014, cấp phép mới 992 dự án, với số vốn đăng ký đạt 7246,2 triệu USD, tăng 29% về số dự án, nhưng giảm 2,1% về số vốn so với cùng kỳ năm 2013. Do có một số dự án cấp phép từ năm trước được cấp vốn bổ sung, nên tổng số vốn đăng ký đạt 10,3 tỷ USD, giảm 19%, nhưng vốn thực hiện 8 tháng đầu năm ước đạt 7,9 tỷ USD, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm 2013 (Cổng thông tin điện tử Chính phủ, 2014).

- Thu chi NSNN tính đến thời điểm 15/08/2014, tổng thu NSNN ước đạt 538,8 nghìn tỷ đồng, bằng 68,8% dự toán năm. Tổng chi NSNN ước đạt 627,9 nghìn tỷ đồng, bằng 62,4% dự toán năm (Cổng thông tin điện tử Chính phủ, 2014).

2.3.2. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) và thị trường giá cả

- CPI tháng 8/2014 tăng 0,22% so với tháng 7. Tính chung 8 tháng năm 2014 CPI tăng 4,31% so với 8 tháng năm 2013, nhưng chỉ tăng 1,84% so với tháng 12 năm 2013. Đây là mức tăng thấp nhất trong 5 năm qua. Bình quân 8 tháng đầu năm 2014, CPI chỉ tăng 4,73% so với cùng kỳ năm 2013 (Cổng thông tin điện tử Chính phủ, 2014). Đây là mức tăng thấp và ảnh hưởng xấu đến mức tăng tổng cầu của nền kinh tế.

- Thị trường tiền tệ tiếp tục ổn định; thị trường bất động sản có dấu hiệu “tan băng”: Chỉ số giá vàng và giá USD nhìn chung tương đối ổn định, ít có biến động lớn. So với cùng kỳ năm 2013, chỉ số giá vàng bình quân 8 tháng giảm 14,16%; chỉ số giá đô la Mỹ tăng 0,57% (Cổng thông tin điện tử Chính phủ, 2014).

Giá trị đồng nội tệ ổn định, lãi suất có giảm đôi chút, lượng tiền huy động đồng nội tệ tăng khá, nhưng tăng trưởng tín dụng thấp. Tại cuộc họp báo thường kỳ vào chiều ngày 29/8/2014 của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), Phó Thống đốc NHNN – Bà Nguyễn Thị Hồng công bố: tính đến hết ngày 21/8 huy động vốn tăng 8,12%, nhưng tăng trưởng tín dụng chỉ tăng 4,33% so với cuối năm 2013, trong khi mặt bằng lãi suất huy động và cho vay đã giảm

0,5 - 1,5% so với cuối năm 2013 (Hải Minh, 2014).

Thị trường chứng khoán ổn định và có chiều hướng tăng điểm nhẹ; thị trường bất động sản đã có dấu hiệu “tan băng”, tồn kho giảm trong cả 2 thị trường lớn là Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

2.3.3. Nợ xấu, nợ công

- Nợ xấu mặc dù còn có sự không thống nhất về số liệu thống kê, nhưng theo NHNN, tính đến tháng 6/2014, nợ xấu của hệ thống ngân hàng thương mại (NHTM) là 160.000 tỷ VND, chiếm 4,17% tổng dư nợ, cao hơn mức 4,07% vào cuối tháng 5/2014 và mức 3,7% vào cuối năm 2013 (Cao Sơn, 2014).

- Nợ công vẫn cao, tỷ lệ nợ công so với GDP năm 2012 là 55,7%, năm 2013 là 56,2%. Theo tờ báo Anh The Economist, so với năm trước, nợ công của Việt Nam tăng 11,2% năm 2013 và sẽ tăng 15% trong năm 2014 (Nguyễn Minh Phong, 2014). Đồng thời tổng nợ công (trả nợ cả gốc và lãi) dự báo cũng tăng cao và sẽ đạt mức 25% tổng thu NSNN năm 2014. Điều đáng chú ý là trong nợ công, các khoản nợ đến hạn vẫn được thanh toán đầy đủ, không có nợ xấu, trong đó có 50% nợ nước ngoài cơ bản là vay ưu đãi, thời gian đáo hạn còn trên 10 năm.

3. Đánh giá tổng quan về tình hình kinh tế Việt Nam 8 tháng đầu năm 2014

3.1. Những thành tựu

- Tốc độ tăng trưởng GDP được duy trì và tăng cao hơn cùng kỳ năm 2013, quý sau tăng cao hơn quý trước. Năm 2013: quý I tăng 4,46%, quý II tăng 5% và quý III tăng 5,54%; năm 2014: quý I tăng 5,09%, quý II tăng 5,25% (Tổng cục Thống kê, 2014) và theo Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong phiên họp thường kỳ của Chính phủ tháng 8/2014 dự báo đến tháng 9 (quý III) sẽ đạt khoảng 5,54% (Phan Thảo, 2014).

- Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản có chuyển biến tích cực: giá trị toàn ngành tăng khoảng 3,5% so với cùng kỳ năm 2013. Sản xuất công nghiệp cũng tăng khá (6,3%) so với cùng kỳ năm 2013 (Cổng thông tin điện tử Chính phủ, 2014). Trong đó, có các ngành tăng cao, như: chế biến, chế tạo; sản xuất phân phối điện; cung cấp nước, xử lý nước thải, rác thải, ... Số vốn đăng ký của các doanh nghiệp thành lập mới và vốn đăng ký bình quân của một doanh nghiệp tăng; số lao động dự kiến được tạo việc làm của các doanh nghiệp thành lập mới cũng tăng so với cùng kỳ năm trước.

- Thương mại, dịch vụ và du lịch đều tăng, trong đó đáng mừng là kim ngạch xuất, nhập khẩu tăng khá cao (khoảng 13%) so với cùng kỳ năm 2013. Tiếp tục xuất siêu tháng 8 là 100 triệu USD và 8 tháng đạt 1,7 tỷ USD, trong đó các thị trường lớn và khó tính đã là những thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam như: Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, ASEAN, ... Mặc dù có sự căng thẳng ở biển Đông trong vài tháng gần đây nhưng lượng khách quốc tế đến Việt Nam vẫn tăng khá cao (12,2%) so với cùng kỳ năm 2013. Trong đó khách đến từ Trung Quốc vẫn tăng 17,2% (Cổng thông tin điện tử Chính phủ, 2014).

- Môi trường kinh tế vi mô tiếp tục ổn định, vốn đầu tư thực hiện từ NSNN trong 8 tháng năm 2014 được đảm bảo và tăng nhẹ (trên 2%) so với cùng kỳ năm 2013. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài từ các dự án được cấp phép mới tăng khá cao (29%), nhưng số vốn đăng ký lại giảm. Tuy nhiên, vốn thực hiện trong 8 tháng năm 2014 vẫn tăng so với cùng kỳ năm 2013 (4,5%) (Cổng thông tin điện tử Chính phủ, 2014).

- Thị trường tiền tệ ổn định cả về tiền đồng, chỉ số giá vàng và giá USD; thị trường chứng khoán khởi sắc, thị trường bất động sản có dấu hiệu “tan băng”...

3.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3.2.1. Những tồn tại, hạn chế

- Đối với sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp: một số mặt hàng nông, thủy sản thuộc thế mạnh của chúng ta nhưng thị trường tiêu thụ lại khó khăn, rất bấp bênh nên sản lượng giảm so với cùng kỳ năm 2013, như: cá tra giảm 6%, cá ngừ đại dương tính đến hết tháng 6/2014 giảm tới 16%; Thanh long vụ thu hoạch tháng 6 vừa qua rớt giá thảm hại, giá bán chỉ 3000 VND/kg, trong khi đầu năm giá bán 30.000 - 35.000 VND/kg (Tiền Phong, 2014); thậm chí có lúc không bán được nông dân còn đổ đễ trâu, bò ăn.

- Sản xuất công nghiệp có tăng nhưng mức tăng thấp, chỉ số tồn kho còn cao, đặc biệt chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 01/08/2014 tăng 13,4% so với cùng thời điểm năm 2013. Các doanh nghiệp còn gặp khó khăn trong tiếp cận vốn vay để sản xuất, kinh doanh. Trong 8 tháng năm 2014, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới giảm mạnh (9,5%) so với cùng kỳ năm 2013. Số doanh nghiệp giải thể hoặc tạm ngừng hoạt động lại tăng cao (12,9%) (Cổng thông tin điện tử Chính phủ, 2014).

- Trong 8 tháng qua, mặc dù xuất khẩu tăng nhưng mức tăng chủ yếu thuộc về khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (chiếm 67,3% kim ngạch xuất khẩu). Nhập khẩu vẫn phụ thuộc nhiều vào một thị trường, thị trường nhập khẩu cao nhất là Trung Quốc (27,6 tỷ USD) chiếm gần 30% kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam; nhập siêu từ Trung Quốc trong 8 tháng là 17,8 tỷ USD (đạt mức xấp xỉ 190% kim ngạch xuất khẩu sang Trung Quốc) (Số liệu tự tính của tác giả dựa vào số liệu từ Công thông tin điện tử Chính phủ, 2014). Điều này sẽ ảnh hưởng xấu đến xuất nhập khẩu của Việt Nam nếu tình hình căng thẳng trên biển Đông không được giải quyết êm thấm.

- Tình trạng vận chuyển, buôn bán hàng lậu, hàng giả, chuyển giá, ô nhiễm môi trường còn nhiều diễn biến phức tạp, làm ảnh hưởng đến nguồn thu NSNN và giảm năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

- Trong 8 tháng 2014, số dự án thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp phép mới tăng khá cao (29%) so với cùng kỳ năm 2013, nhưng số vốn đăng ký lại giảm 2,1% (Công thông tin điện tử Chính phủ, 2014). Điều đó chứng tỏ chúng ta mới chỉ thu hút chủ yếu là các dự án quy mô nhỏ, thiếu vắng các dự án của các tập đoàn kinh tế lớn từ nước ngoài với những thiết bị công nghệ hiện đại.

- Nợ công, nợ xấu vẫn tăng cao, trong khi tăng trưởng tín dụng và tái cơ cấu của các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) diễn ra chậm và kém hiệu quả.

+ Nợ công mặc dù hiện nay vẫn nằm trong khoảng Quốc hội cho phép là không quá 65% GDP (Nghị quyết Quốc hội, 2013), nhưng nợ công năm 2013 đã tăng 11,2% so với năm trước và dự đoán nợ công năm 2014 sẽ tăng 15% so với năm 2013, đây là mức rất đáng lo ngại. Hơn nữa, nợ công của Chính phủ cũng ngày càng tăng, được dự báo sẽ chiếm 25% tổng thu NSNN và sẽ vượt mức 30% trong những năm tiếp sau. Trong khi theo thông lệ quốc tế, mức nợ an toàn là không quá 35% tổng thu NSNN hàng năm (Nguyễn Minh Phong, 2014).

+ Do xử lý nợ xấu còn yếu và sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, nên tỷ lệ nợ xấu của toàn bộ hệ thống ngân hàng tăng. Tỷ lệ nợ xấu tính đến hết tháng 6/2014 đã là 4,17%, tương ứng với 160.000 tỷ đồng, tăng cao hơn cả cuối tháng 5/2014 và cao hơn nhiều so với cuối năm 2013. Theo Phó Thống đốc NHNN – Bà Nguyễn Thị Hồng (tại buổi họp báo Chính phủ

thường kỳ ngày 28/8/2014): 6 tháng đầu năm 2014, các tổ chức tín dụng xử lý nợ xấu được 33.000 tỷ đồng (mới đạt khoảng 20%) và dự kiến hết năm 2014 thì con số này cũng mới chỉ xử lý được khoảng gần 50% số nợ xấu hiện tại (Cao Sơn, 2014).

Nợ công, nợ xấu đã ảnh hưởng xấu đối với nền kinh tế và được các chuyên gia kinh tế coi là “nút thắt nghiêm trọng” và là các “cục máu đông” của nền kinh tế (Tiền Phong, 2014):

+ Tăng trưởng tín dụng 8 tháng năm 2014 mới đạt 4,33%, trong khi mục tiêu cả năm 2014 là 12 – 14%. Đây là vấn đề quan trọng cần phải giải quyết để tăng tổng cầu của nền kinh tế.

+ Tái cơ cấu doanh nghiệp thực hiện chậm so với yêu cầu, do đó các DNNN hoạt động sản xuất, kinh doanh kém hiệu quả.

3.2.2. Những nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Thứ nhất, tổng cầu của nền kinh tế thấp, kể cả cầu tiêu dùng và cầu sản xuất. Do cầu tiêu dùng trong nước thấp nên sản xuất phát triển chậm, các doanh nghiệp không mặn mà với vay vốn của ngân hàng, mặc dù lãi suất đã điều chỉnh theo hướng giảm xuống.

Thứ hai, sự phối kết hợp giữa sản xuất và chính sách thị trường xuất khẩu chưa hợp lý, chưa hiệu quả. Biểu hiện đối với các thị trường lớn và khó tính thì sản phẩm của Việt Nam chưa thâm nhập chưa đáng kể; nhập khẩu còn phụ thuộc lớn vào thị trường Trung Quốc (gần 30% tổng kim ngạch nhập khẩu); nhiều sản phẩm của nhiều công ty xuất khẩu không đạt tiêu chuẩn chất lượng, mẫu mã, phải trả lại...

Thứ ba, đầu tư còn dàn trải, thiếu trọng điểm, thiếu chiến lược và kém hiệu quả, năng suất thấp, khả năng cạnh tranh kém, hơn nữa tình trạng tham ô, tham nhũng, lãng phí gây thất thoát lớn tài sản công vẫn chưa được đẩy lùi.

Thứ tư, quản lý và xử lý nợ xấu vẫn còn nhiều lung túng; nợ công vẫn gia tăng. Do áp lực trả nợ và nợ ngắn hạn tăng cao, nên nhiều doanh nghiệp kể cả Chính phủ còn vay để trả nợ chứ không phải vay để sản xuất. Đó là nguy cơ đáng báo động (Tiền Phong, 2014)

Thứ năm, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa được đổi mới một cách toàn diện, thị trường còn bị bóp méo; nhiều cơ chế, chính sách của Nhà nước chưa phù hợp với sự vận động

của quy luật khách quan, nên chậm và khó đi vào cuộc sống.

4. Dự báo phát triển kinh tế Việt Nam 4 tháng còn lại và cả năm 2014

Với những dấu hiệu đáng mừng của phát triển kinh tế 8 tháng đầu năm 2014, khi mà hầu hết các lĩnh vực trong nền kinh tế đều có sự tăng trưởng; nền tảng kinh tế vĩ mô ngày càng vững chắc, tăng trưởng GDP quý sau cao hơn quý trước, lạm phát được kiểm soát ở mức độ thấp, lĩnh vực dịch vụ đạt mức tăng trưởng khá cao; giá cả thị trường ổn định, xuất khẩu tiếp tục tăng trưởng và có xuất siêu; tiến trình tái cơ cấu kinh tế bước đầu đạt kết quả tích cực... (baomoi.com, 2014).

Mặt khác, nền kinh tế Việt Nam thường tăng trưởng quý sau cao hơn quý trước, mà tăng trưởng hai quý đầu năm 2014 cao hơn năm 2013, nên dự báo tăng trưởng cả năm 2014 cũng sẽ cao hơn mức 5,42% của năm 2013 (xem bảng 2).

Hơn nữa, trong kỳ họp thường kỳ của Chính phủ tháng 8/2013, tinh thần và ý chí quyết tâm thực hiện đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế 5,8% của cả năm 2014 là rất cao. Theo Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng (trong phát biểu kết luận phiên họp thường kỳ của Chính phủ tháng 8/2014): nếu nỗ lực, quyết tâm thực hiện đồng bộ các giải pháp thì mục tiêu tăng trưởng GDP cả năm 5,8% là khả thi. Đề cập đến các nhiệm vụ cụ thể, Thủ tướng yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương tiếp tục rà soát, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh; thúc đẩy tăng trưởng trong cả ba khu vực nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ; phấn đấu đạt mức tăng trưởng GDP cả năm là 5,8% (baomoi.com, 2014).

Căn cứ vào thực tiễn và thông lệ tăng trưởng kinh tế Việt Nam như đã trình bày, chúng tôi cho rằng, tăng trưởng GDP của bốn tháng còn lại sẽ tiếp tục tăng cao hơn mức tăng của 8 tháng đầu năm, nhưng không thể là đột biến.

Trong khi tình hình chính trị diễn biến hết sức phức tạp hiện nay và chưa có dấu hiệu ngừng ở miền Đông Ukraine, dẫn đến những sự trừng phạt lẫn nhau về kinh tế giữa Mỹ, EU và Nga, đã làm thiệt hại kinh tế cho cả các bên hàng trăm tỷ USD và sẽ còn thiệt hại nhiều hơn nữa trong tương lai. Điều này sẽ làm cho nền kinh tế của các nước có liên quan sụt giảm, mà đây lại là các thị trường xuất chủ yếu của Việt Nam. Hơn nữa, 8 tháng năm 2014 tăng trưởng GDP của nước ta không cao và nền kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, trong khi tình hình Biển Đông vẫn tiềm ẩn những diễn biến phức tạp khó lường... Vì vậy, mức tăng trưởng 5,8% của cả năm 2014 theo chúng tôi là rất khó đạt được. Chúng tôi cho rằng, mức tăng trưởng GDP khả thi có thể chỉ đạt khoảng 5,65%. Ngay cả để đạt được mức tăng trưởng này, cũng đòi hỏi sự nỗ lực rất cao của toàn bộ nền kinh tế. Vì mức tăng GDP cả 3 quý năm 2014 chỉ dưới ngưỡng 5,8%, nếu muốn đạt mức tăng trưởng cả năm là 5,8% thì quý IV của năm 2014 mức tăng trưởng phải đạt trên 7%; đó là điều quá khó trong điều kiện tình hình kinh tế trong nước và quốc tế hiện nay (Số liệu tự tính của tác giả dựa trên các số liệu của Cổng thông tin điện tử Chính phủ, 2014).

5. Khuyến nghị các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế 4 tháng cuối năm 2014

Để đạt được mục tiêu tăng trưởng 5,65% GDP của cả năm 2014, thì 4 tháng còn lại cần tập trung

Bảng 2: Tăng trưởng GDP các quý và cả năm giai đoạn 2010 – 2014

Đơn vị tính: %

Quý	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Cả năm
2010	5,84	6,44	7,18	7,34	6,78
2011	5,53	5,70	6,02	6,15	5,89
2012	4,64	4,80	5,05	5,44	5,55
2013	4,76	5,00	5,54	6,04	5,42
2014	5,09	5,25	5,54*		5,80**

Ghi chú: * số ước tính trong báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 8/2014

** mục tiêu của Nghị quyết số 53 của Quốc hội ngày 11/11/2013

Nguồn: Tổng cục thống kê (2014)

một số giải pháp chủ yếu sau:

5.1. Kích thích tăng tổng cầu cho nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất phát triển

Một trong những nguyên nhân chủ yếu kìm hãm mức tăng trưởng của nền kinh tế hiện nay là tổng cầu quá thấp. Vì vậy, giải pháp tăng tổng cầu cho nền kinh tế là đặc biệt quan trọng nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong 4 tháng còn lại. Để tăng cầu, trước hết cần phải tháo gỡ đầu ra cho sản xuất, hiện nay chúng ta đang bị ách tắc đầu ra cả trong sản xuất công nghiệp và nông nghiệp nhưng do việc làm trong nước chưa cao, thu nhập dân cư còn thấp, nên thị trường tiêu thụ trong nước còn hạn chế. Do đó, cần tìm kiếm, mở rộng thị trường ngoài nước, phải đa dạng hóa thị trường kể cả các thị trường khó tính và thị trường tương đối dễ tính, nhưng phải giữ vững thị trường truyền thống.

Tiếp đến, phải thúc đẩy tăng trưởng tín dụng và tăng giải ngân đầu tư, thực hiện đầu tư có trọng điểm. Đây là vấn đề khó khăn nhưng cần phải giải quyết trong điều kiện mức tăng trưởng tín dụng quá thấp như vừa qua, các doanh nghiệp rất khó khăn trong tiếp cận vốn vay phục vụ sản xuất, kinh doanh. Trong điều kiện nền kinh tế chưa mấy sáng sủa, tăng trưởng tín dụng thường sẽ đi liền với nợ xấu tăng. Nhưng chúng ta không thể vì hoàn thành chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng mà cho vay các doanh nghiệp hoạt động không hiệu quả, nếu như vậy nợ xấu sẽ tăng cao.

5.2. Tăng cường liên kết sản xuất, chế biến và thị trường tiêu thụ trong sản xuất nông nghiệp

Chỉ có như vậy mới tạo khả năng tiêu thụ hàng nông, thủy sản của nước ta. Thực trạng sản xuất nông nghiệp và thủy sản của Việt Nam là sản xuất theo kiểu tùy tiện, phân tán, thực dụng không gắn với chế biến, thiếu ứng dụng những kỹ thuật, phương pháp, quy trình sản xuất tiên tiến, nên giá trị nông, thủy sản thấp, không đạt tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của thị trường nhập khẩu, sức cạnh tranh hàng hóa thấp trên thị trường quốc tế.

5.3. Xử lý, giải quyết tốt nợ xấu, kiểm chế tăng nợ công, đẩy mạnh tái cơ cấu DNNN theo hướng cổ phần hóa

Vì nợ công, nợ xấu là những “cục máu đông” của nền kinh tế, nếu không giải quyết, xử lý được thì nền kinh tế sẽ không thể phát triển bình thường. Muốn vậy, cần tăng cường vai trò của VAMC (mặc

dù đâu biết xử lý nợ xấu: VAMC không phải là “chiếc đũa thần”) nhằm xử lý nợ xấu, tạo điều kiện tăng trưởng tín dụng, phát triển sản xuất, kinh doanh. Đồng thời, chỉ có đẩy nhanh, mạnh cổ phần hóa DNNN, đặc biệt là các tập đoàn kinh tế lớn thì nền kinh tế mới hoạt động có hiệu quả.

5.4. Tiếp tục cải cách mạnh mẽ và có hiệu quả nền hành chính quốc gia theo hướng ứng dụng rộng rãi công nghệ điện tử, tin học, xóa bỏ triệt để cơ chế “xin – cho” trên thực tế

Thực hiện thủ tục hành chính gọn nhẹ, hiệu quả, chính xác, công khai, minh bạch để theo kịp mức độ trung bình của các quốc gia trong khu vực. Muốn vậy, phải thực hiện triệt để cơ chế “một cửa”. Tránh như hiện nay, nhiều nơi thực hiện cơ chế “một cửa” nhưng trên đó vẫn còn nhiều “khóa”, gây sự phiền hà, phức tạp, rườm rà và kìm hãm sự phát triển sản xuất, kinh doanh.

5.5. Kiên quyết chống các hiện tượng tiêu cực, tham nhũng, lãng phí một cách quyết liệt, triệt để và hiệu quả

Các hiện tượng tiêu cực, buôn lậu, gian lận thương mại, chuyển giá, trốn lậu thuế, tham nhũng, lãng phí... vẫn đang còn “đất” để phát triển, nên đã làm giảm sút nghiêm trọng niềm tin của nhân dân, của doanh nghiệp. Chúng ta đã có nhiều chế tài chống tham nhũng, tiêu cực, nhưng thực hiện chưa thật nghiêm minh, chưa hiệu quả, còn bỏ lọt nhiều người, nhiều tội. Pháp luật ở nước ta chưa thực sự đứng trên mọi người, chân lý đôi khi vẫn thuộc về “kẻ mạnh”. Trong khi các quốc gia, quan chức dù ở cấp cao nhất, nếu phạm pháp, mặc dù đã nghỉ hưu vẫn bị khởi tố theo pháp luật. Còn ở Việt Nam, khi cán bộ, quan chức đã nghỉ hưu, thì dù có tội trạng cũng coi như được bỏ qua (Tô Đức Hạnh, 2014).

5.6. Tiếp tục tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách kinh tế tạo sự thông thoáng, thuận lợi theo cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế

Xây dựng, thực hiện hệ thống pháp luật đồng bộ, tạo lập môi trường cạnh tranh, kinh doanh thực sự lành mạnh, bình đẳng đối với mọi chủ thể, mọi thành phần kinh tế trên thị trường. Nền kinh tế phải thực sự vận động theo quy luật khách quan, Nhà nước chỉ can thiệp vào kinh tế ở những nơi thực sự cần thiết và hợp lý. □

Tài liệu tham khảo

- Baomoi.com, “*Thủ tướng kêu gọi nỗ lực cao nhất hoàn thành nhiệm vụ 2014*”, 28/08/2014, www.baomoi.com/thu-tuong-keu-goi-no-luc-cao-nhat-hoan-thanh-nhiem-vu-2014-2014/122/14684811.epi
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ (2014), “*Tình hình kinh tế - xã hội 8 tháng năm 2014*”, www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/noidungtinhhinhthuchien?categoryId
- Tô Đức Hạnh (2014), “*Kinh tế Việt Nam 6 tháng đầu năm 2014 với nhiều điểm sáng*”, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia “*Kinh tế Việt Nam 6 tháng đầu năm 2014 những thách thức mới*”, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, 16/07/2014, tr.59
- Công Khanh (2014), “*Nợ xấu, nợ công là nút thắt nghiêm trọng*”, 29/04/2014, www.tienphong.vn/kinh-te/no-xau-no-cong-la-nut-that-nghiem-trong-701000.tpo
- Hải Minh (2014), “*Đến ngày 21/8 tín dụng tăng trưởng 4,33%*”, caef.vn/tai-chinh-ngan-hang/den-ngay-218-tin-dung-tang-433-2014082914371779320ca.chn
- Hồng Ngọc (2014), “*PMI tháng 8 giảm tháng thứ 4 liên tiếp xuống còn 50,3 điểm*”, cafebiz.vn/thi-truong/pmi-thng-8-thang-thu-4-lien-tiep-xuong-con-503-diem.chn
- Nguyễn Minh Phong và Nguyễn Trần Minh Trí (2014), “*Tăng nhanh về quy mô, dịch vụ và điều kiện nợ*”, 17/06/2014, motthegioimoi.vn/kinh-te/no-cong-viet-nam-va-nhung-thong-diep-nong-78905.html
- Cao Sơn (2014), “*Xử lý nợ xấu: VAMC không phải là cây đũa thần*”, 29/08/2014, hn24h.com.vn/tai-chinh-bat-dong-san/c161a654284.html
- Quốc hội (2013), Nghị quyết số 53/2013/QH13, “*Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2014*”, 11/11/2013
- Phan Thảo (2014), “*Tăng trưởng GDP 9 tháng của năm 2014 ước đạt 5,54%*”, www.sggp.org.vn/chinhtri/2014/359464
- Tiền Phong (2014), “*Ồ ạt trong Thanh long rút giá thảm*”, www.tienphong.vn/kinh-te/o-at-trong-thanh-long-rot-gia-tham-723702.tpo
- Tổng cục Thống kê (2014), “*Tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2014*”

Vietnam's economy in 2014: Situation of the first eight months and prospects

Abstract:

This paper focuses on analyzing basically and comprehensively Vietnam economic situation during first 8 months of 2014 in all fields of agriculture, industry, trade services and macroeconomic environment. The paper draws five main achievements and six shortcomings, and the five causes of these. Based on the analyses, the paper suggests that it is difficult for Vietnamese economy to reach the growth target of 5,8% and proposes 6 primary recommendations for reaching the growth target of 5,65% for 2014.

Thông tin tác giả:

* **Tô Đức Hạnh**, phó giáo sư, tiến sĩ

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế phát triển, Kinh tế vĩ mô và kinh tế vùng

- Một số tạp chí đã đăng tải các công trình nghiên cứu: Tạp chí Kinh tế và Phát triển; Tạp chí Thương mại; Tạp chí Cộng sản

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ email: hanhtoduc@gmail.com

** **Nguyễn Thị Kim Oanh**, thạc sĩ

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ email: kimoanh@gmail.com